TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ–ST
Ngày: 20-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Dân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Ông Lê Văn Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân – Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị G,** sinh năm 1984 *(Có mặt)*
HKTT: ấp T, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Chỗ ở hiện nay: số 116 ấp 3, xã P, huyện N, thành phố H.
2. Bị đơn: **Huỳnh Hoài H,** sinh năm 1984 *(Vắng mặt)*
Trú tại: ấp T, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, lời khai trong qua trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Huỳnh Hoài H do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 21/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp T, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc do tính tình không hợp

nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn, cãi nhau. Anh chị đã ly thân được 05 năm. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng không có gặp gỡ để bàn bạc hàn gắn đoàn tụ. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nên yêu cầu Toà giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Trong thời gian chung sống, chị và anh H có một con chung là Huỳnh Hoài H1, sinh ngày 28/02/2007. Hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Huỳnh Hoài H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình cụ thể là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bị đơn Huỳnh Hoài H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét về hôn nhân của chị G và anh H: chị G và anh H do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 21/11/2006. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mất hạnh phúc. Nay chị G xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với anh H được nữa nên xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa hôm nay chị G vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời anh H đến Toà tham gia phiên hoà giải để tìm cách động viên, hàn gắn cho anh, chị đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt không lý do. Mặt khác trong thời gian sống ly thân anh chị không gặp gỡ bàn bạc hàn gắn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn xảy ra. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, hai bên không có ý muốn

hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp.

[2.2] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống chị G và anh H có một con chung là Huỳnh Hoài H1, sinh ngày 28/02/2007. Thấy rằng hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị G nếu thay đổi môi trường sống sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển tâm sinh lý của cháu. Mặt khác, cháu H1 có nguyện vọng sống chung với chị G. Do đó, tiếp tục giao cháu H1 cho chị G trực tiếp nuôi là phù hợp. Chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, đây là ý chí tự nguyện của chị G nên cần ghi nhận. Xét thấy cần áp dụng quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

[2.3] Xét về tài sản chung và nợ chung: chị G xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[2.4] Chị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Huỳnh Hoài H.

Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Huỳnh Hoài H.

2. Về con chung: Huỳnh Hoài H1, sinh ngày 28/02/2007 giao cho chị G trực tiếp nuôi, ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị G phải chịu là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhận được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007617 ngày 13/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết công khai bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người đó cư trú.

Nơi nH:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Dân